

Số: 39/2023/QĐST-HNGĐ

Y, ngày 08 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 69/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T sinh năm 1984; địa chỉ thôn 9, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N sinh năm 1986; địa chỉ thôn 9, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31/7/2023 là hoàn C1 tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn N

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Chị T và anh N có 02 con là cháu Nguyễn Quốc C1 sinh ngày 21/01/2010 và cháu Nguyễn Thế sinh ngày 01/10/2011. Chị T và anh N thỏa thuận giao cả hai cháu C1 và cháu C2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi; chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T; chị T cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cả hai cháu C1 và cháu Ngọc.

Anh N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu C1 và cháu C2 được sống chung với chị T và anh N có quyền thăm nom, chăm sóc cháu C1 và cháu Ngọc;

chị T không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc cháu C1 và cháu Ngọc.

Về tài sản: Chị T và anh N cùng trình bày, vợ chồng không có tài sản; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T và anh N thỏa thuận chị T chịu C1 bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005716 ngày 25/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị T được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- UBND xã K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực